TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thưởng.

2. Bà Phạm Phương Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thi Minh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Âu Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vi Thị H, sinh năm 1988; căn cước công dân số 02018800**** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/4/2021; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lâm Văn T, sinh năm 1986; căn cước công dân số 02008600**** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Vi Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng gần 02 năm; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 23/4/2008. Sau khi kết hôn, về chung sống cùng gia đình chồng; đến năm 2010 thì ra ở riêng do được mẹ đẻ của chị cho mượn đất, sau đó

vợ chồng xây nhà trên đất bên ngoại tại Thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khi đó chị đi làm công ty, anh Lâm Văn T ở nhà lại tụ tập bạn bè rượu chè và thường hay đánh đập chị mỗi khi bực tức vô cớ. Do khi đó nghĩ đến con cái nên chị vẫn cố gắng chịu đựng, không báo chính quyền địa phương nên không ai biết, chỉ có 02 người con lớn chứng kiến.

Tình trạng như vậy cứ tiếp diễn, cho đến những năm gần đây thì anh Lâm Văn T không đánh chị nữa nhưng mỗi lần uống rượu về thường xuyên chửi bới cả ngày, cả đêm làm chị và các con rất căng thẳng, áp lực, chịu đựng đến ngày 11/8/2025, chị và cháu nhỏ Lâm Ngọc D đã bỏ về nhà mẹ đẻ là bà Vi Thị N (cũng cùng Thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn) sinh sống; 02 cháu lớn Lâm Ánh N, Lâm Yến V ở lại cùng anh Lâm Văn T, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, không thể hoá giải, mục đích hôn nhận không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn T.

Về con chung: Chị và anh Lâm Văn T có 03 con chung là cháu Lâm Ánh N, sinh ngày 24/11/2008 hiện đang học lớp 12A7 trường Trung học phổ thông H, tỉnh Lạng Sơn; cháu Lâm Yến V, sinh ngày 30/9/2010 hiện đang học lớp 10A7 trường Trung học phổ thông H, tỉnh Lạng Sơn và cháu Lâm Ngọc D, sinh ngày 05/6/2020 hiện đang học lớp 5 tuổi trường mầm mon 2 M, tỉnh Lạng Sơn.

Từ khi vợ chồng ly thân, 02 cháu Lâm Ánh N và Lâm Yến V ở cùng với anh Lâm Văn T; do anh Lâm Văn T đi làm từ sáng đến tối mới về nên ban ngày các cháu ăn uống, sinh hoạt cùng với chị, tối về nhà ở cùng với bố. Do 02 cháu lớn đều là con gái, hiện đang trong độ tuổi dậy thì nên cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ còn cháu thứ 03 còn nhỏ, cũng cần sự chăm sóc của người mẹ nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung, chị không yêu cầu anh Lâm Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại công việc của chị làm vườn ươm cây giống trên đất của mẹ đẻ cho mượn, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng; sau khi ly hôn, mẹ đẻ của chị cũng tạo điều kiện chỗ ở, ăn uống, sinh hoạt cho chị và các con ở cùng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị và anh Lâm Văn T có tạo dựng được một số tài sản chung tuy nhiên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành; Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Lâm Văn T trình bày như sau:

Anh và chị Vi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Hiện anh đã cố gắng làm ăn, tuy nhiên trước đây vì lý do kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã; nay chị Vi Thị H làm đơn ly hôn, anh vẫn mong

muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái vì các con còn bé, cần sự quan tâm của cả bố và mẹ. Anh thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ lâu, gia đình mỗi người ở một nơi, tuy nhiên anh cũng không có biện pháp gì để xoá bỏ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị Vi Thị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh nhất trí theo quyết định của vợ.

Nếu vợ chồng ly hôn, để các con không phải chia tách nhau, anh nhất trí để chị Vi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 người con chung. Do chị Vi Thị H không yêu cầu nên anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Đề nghị nội dung giải quyết vụ án, trên cơ sở áp dụng các Điều 51, 56, 57 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị H về việc ly hôn với anh Lâm Văn T.

Về con chung: Chị Vi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 người con chung là cháu Lâm Ánh N, cháu Lâm Yến V và cháu Lâm Ngọc D; anh Lâm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét

xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xem xét yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn*: Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập; có đủ cơ sở để xác định chị Vi Thị H và anh Lâm Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và được tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán của địa phương nên xác định hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2016 do vấn đề kinh tế, bất đồng về quan điểm sống trong cuộc sống gia đình; trong khi người vợ đi làm công ty thì người chồng ở nhà không tu chí làm ăn, tụ tập rượu chè, khi chị Vi Thị H có ý kiến thì bị đánh đập – có bà Vi Thị N là mẹ đẻ và 02 người con lớn chứng kiến. Sự việc bạo hành gia đình, tiếp diễn thường xuyên cho đến khoảng vài năm gần đây thì lại xảy ra việc anh Lâm Văn T cứ uống rượu về là lại chửi bới, đay nghiến vợ con cả đêm không ngủ được, trong khi đó ban ngày chị phải đi làm vất vả, các con còn phải đến trường.

[5] Gia đình và hàng xóm khuyên bảo nhưng không có chuyển biến; mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm vào ngày 11/8/2025, chị Vi Thị H không thể chịu đựng được nữa nên đã đưa con gái út cùng về nhà mẹ đẻ sinh sống; vợ chồngg ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có thiện chí, cách thức đoàn tụ.

[6] Thấy rằng; mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trong một thời gian dài gần chục năm, chủ yếu do hành vi bạo hành gia đình của người chồng làm cho cuộc sống gia đình luôn bức xúc, căng thẳng lo lắng không có hạnh phúc. Thời gian ly thân cũng đã hơn một năm nhưng bản thân người chồng không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn gia đình, không nhận ra lỗi lầm để sửa chữa, hàn gắn; khi biết vợ khởi kiện nộp đơn xin ly hôn đến Toà án, vẫn thể hiện thái độ không tích cực phối hợp để hòa giải đoàn tụ gia đình. Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ, bỏ mặc nguyên đơn tự giải quyết tại Toà án. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ly hôn.

[7] *Về con chung*: Vợ chồng có 03 người con chung, hiện đang ở cùng người mẹ tại căn nhà trên mảnh đất do gia đình nhà ngoại cho mượn, các cháu

có sức khoẻ đảm bảo việc học tập, phát triển bình thường; nguyện vọng của hai cháu lớn mong muốn trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì sẽ ở với mẹ. Xét thấy, điều kiện nuôi con của chị Vi Thị H, cơ bản đảm bảo về chỗ ở, về công việc có thu nhập bình quân ổn định cùng với mong muốn việc sau khi ly hôn, các con không bị chia tách, được ở cùng chăm sóc đùm bọc lẫn nhau; bản thân các cháu cũng đang trong giai đoạn lứa tuổi dậy thì, cần sự chăm sóc, giáo dục giới tính của người mẹ là phù hợp, đảm bảo tốt cho sự phát triển sức khoẻ, tâm sinh lý như những đứa trẻ bình thường khác trong cuộc sống, học tập; trong khi điều kiện công việc hiện tại của người bố không đảm bảo thời gian chăm sóc, giáo dục các con chung hàng ngày.

[8] Lời khai của hai bên đương sự xác định, thống nhất, sau khi ly hôn chị Vi Thị H sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 03 người con chung; thoả thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung trên 07 tuổi do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, đề nghị của nguyên đơn về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung và tự nguyện chưa có yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[9] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng, cùng quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và các nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Quan hệ hôn nhân.

Xử cho chị Vi Thị H được ly hôn với anh Lâm Văn T.

(Đăng ký kết hôn số 24, quyển số 01/2007, ngày 23/4/2008, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung.

Chị Vi Thị H và anh Lâm Văn T có 03 (ba) người con chung là cháu Lâm Ánh N, sinh ngày 24/11/2008; cháu Lâm Yến V, sinh ngày 30/9/2010 và cháu Lâm Ngọc D, sinh ngày 05/6/2020.

- Sau khi ly hôn, chị Vi Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Lâm Ánh N; Lâm Yến V và Lâm Ngọc D cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Lâm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Anh Lâm Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Vi Thị H chưa có yêu cầu.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Án phí.

Chị Vi Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước; xác nhận chị Vi Thị H đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000546 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 – Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu Toà, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường